

Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện tại một số quốc gia trên thế giới

Phạm Thị Hồng Vân
Trần Thị Thu Hương
Vũ Thị Thanh Hà

Ngày nhận: 05/04/2018

Ngày nhận bản sửa: 10/05/2018

Ngày duyệt đăng: 18/06/2018

Tài chính toàn diện có vai trò quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, phát triển và ổn định kinh tế. Vì vậy, phát triển tài chính toàn diện được các tổ chức phát triển quốc tế cũng như Chính phủ nhiều quốc gia đặc biệt quan tâm, trong đó có Việt Nam. Bài viết tìm hiểu, phân tích vai trò của tài chính toàn diện, nghiên cứu kinh nghiệm của những nước thành công trong phát triển tài chính toàn diện như: Ấn Độ, Brazil và Malaysia. Kết quả chỉ ra rằng, để thành công trong phát triển tài chính toàn diện cần chú ý đến vấn đề: i) phải coi phát triển tài chính toàn diện là một chiến lược quốc gia, tập trung các nguồn lực và nỗ lực để hướng vào đúng đối tượng và triển khai thực hiện các biện pháp phù hợp một cách hiệu quả; ii) tăng cường giáo dục tài chính đối với người dân; iii) phát triển dịch vụ ngân hàng đại lý; iv) các ngân hàng cần thiết kế các sản phẩm phù hợp hơn với nhu cầu của các nhóm khác nhau, đặc biệt các sản phẩm tiết kiệm và thanh toán.

Từ khóa: Tài chính toàn diện, phát triển tài chính toàn diện

1. Khái niệm và vai trò của tài chính toàn diện

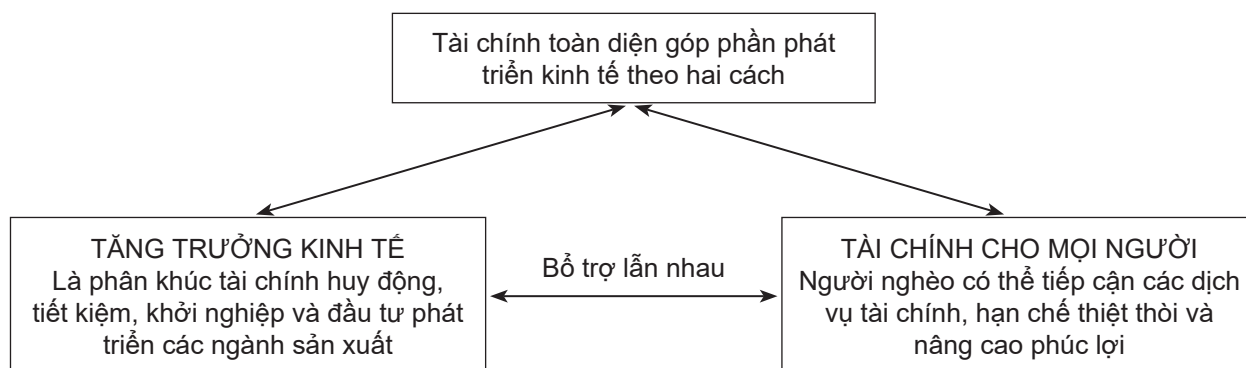
1.1. Khái niệm

Sự ảnh hưởng của tài chính toàn diện đến phát triển kinh tế xã hội, góp phần xóa đói giảm

nghèo và giảm bất bình đẳng đã được các nhà nghiên cứu, các tổ chức tài chính quốc tế cũng như chính phủ các quốc gia ghi nhận. Vì vậy, nhiều chương trình đã được các tổ chức quốc tế triển khai trong mục tiêu thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện. Tổ chức Liên Hợp quốc (LHQ) đã triển

khai các chương trình thông qua Quỹ Đầu tư phát triển LHQ; các nước G20 đã thống nhất bộ nguyên tắc cho tài chính toàn diện và đây cũng là những trọng tâm của kế hoạch hành động Nhóm G20. ASEAN coi tài chính toàn diện là một trong ba trụ cột của Tầm nhìn Cộng đồng Kinh tế

Hình1. Vai trò của tài chính toàn diện với phát triển kinh tế



ASEAN (AEC) 2025 về hội nhập tài chính và đã thành lập Nhóm công tác về tài chính toàn diện để thúc đẩy lĩnh vực này trong khu vực. Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã xây dựng các chương trình, dự án để thúc đẩy tài chính toàn diện tại nhiều quốc gia. Có rất nhiều nước, đặc biệt là các nước đang phát triển đã và đang xây dựng khuôn khổ, chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện như Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia,... và bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Tại Việt Nam, tài chính toàn diện là khái niệm còn khá mới mẻ, tuy các nội dung của tài chính toàn diện đã và đang được các Bộ, ngành triển khai theo chức năng, nhiệm vụ của mình nhưng chưa được đồng bộ và đạt hiệu quả cao.

Một trong những khái niệm xuất hiện sớm nhất của Leyshon and Thrift (1995) đã xác định “*tài chính toàn diện là quá trình một số nhóm xã hội và cá nhân nhất định được tiếp cận với hệ thống tài chính chính thức*”. Sinclair (2001) cho rằng “*tài chính toàn diện là khả năng tiếp cận các dịch*

vụ tài chính cần thiết bằng cách thức thích hợp”. Tại Ấn Độ, Ủy ban Tài chính Toàn diện của Chính phủ định nghĩa tài chính toàn diện là “*quá trình đảm bảo các nhóm dân cư thiệt thòi chẳng hạn như tầng lớp yếu thế và nhóm thu nhập thấp có thể tiếp cận các dịch vụ tài chính và tín dụng kịp thời và đầy đủ khi cần thiết với chi phí phải chăng*” (Ủy ban Rangarajan, 2008). Khái quát hơn, LHQ cho rằng chính toàn diện là “*cơ hội tiếp cận các dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý cho người dân*”. Các dịch vụ tài chính cơ bản bao gồm tiết kiệm, tín dụng ngắn hạn và dài hạn, cho thuê và bao thanh toán, thẻ chấp, bảo hiểm, trợ cấp, thanh toán, chuyển tiền trong nước và chuyển tiền quốc tế (Bluebook, 2006).

Từ quan điểm về tài chính toàn diện cho thấy, tài chính toàn diện có tính chất đa chiều, mang đến cho người dân các dịch vụ tài chính chất lượng một cách thuận tiện, mở rộng khả năng tiếp cận cho tất cả các tầng lớp dân cư, đặc biệt là tầng lớp dân cư có thu nhập thấp, tạo cơ hội đồng đều và hạn chế bất bình đẳng

trong nền kinh tế. Từ đây, có thể định nghĩa tài chính toàn diện là “*quá trình đảm bảo khả năng tiếp cận, tính sẵn sàng và khả năng sử dụng hệ thống tài chính chính thức cho tất cả mọi thành phần của nền kinh tế*”. Theo đó, nhấn mạnh một số khía cạnh của tài chính toàn diện, tức là, khả năng tiếp cận, tính sẵn sàng và khả năng sử dụng hệ thống tài chính.

1.2. Vai trò của tài chính toàn diện

Vai trò của tài chính toàn diện đối với phát triển kinh tế- xã hội đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu, điển hình có thể kể tới như: Levine (2005), Demirguc-Kunt và Levine (2007), Beck và Honohan (2008), Johnston and Murdoch (2008), Johnson và Nino-Lazarawa (2009), Hastak và Gaikwad (2015)... Theo Beck và Honohan (2008), phát triển tài chính toàn diện sẽ có hai tác động đến quá trình phát triển kinh tế: Một là, phát triển tài chính là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng khả năng tiết kiệm, giúp khởi nghiệp

đầu tư, sản xuất, từ đó giảm đói nghèo và bất bình đẳng; hai là cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp, giá cả phải chăng cho người nghèo, cải thiện phúc lợi cho tầng lớp khó khăn (Hình 1).

Đồng quan điểm với Beck và Honohan (2008), Johnston and Murdoch (2008) cũng cho rằng tài chính toàn diện có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế bởi thông qua đó, những đối tượng từng nằm ngoài khu vực kinh tế chính thức có thể tiếp cận sản phẩm, dịch vụ tài chính, cải thiện cuộc sống, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Tương tự, nghiên cứu của Hastak và Gaikwad (2015) đã khẳng định tài chính toàn diện là một công cụ quan trọng đối với rất nhiều quốc gia đang phát triển nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của khu vực có thu nhập thấp, qua đó góp phần xóa đói, giảm nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế. Tài chính toàn diện giúp tạo điều kiện cho người tham gia vào nền kinh tế và hệ thống tài chính, từ đó tạo động lực cho khu vực tài chính phát triển hơn và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế thông qua huy động nguồn tiết kiệm và đầu tư vào tăng trưởng ở các khu vực có hiệu quả.

Vai trò của tài chính toàn diện đối với phát triển kinh tế- xã hội có thể tóm lược qua các khía cạnh sau:

Thứ nhất, tài chính toàn diện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua tăng cường khả

năng huy động các khoản tiết kiệm và đầu tư để phát triển sản xuất

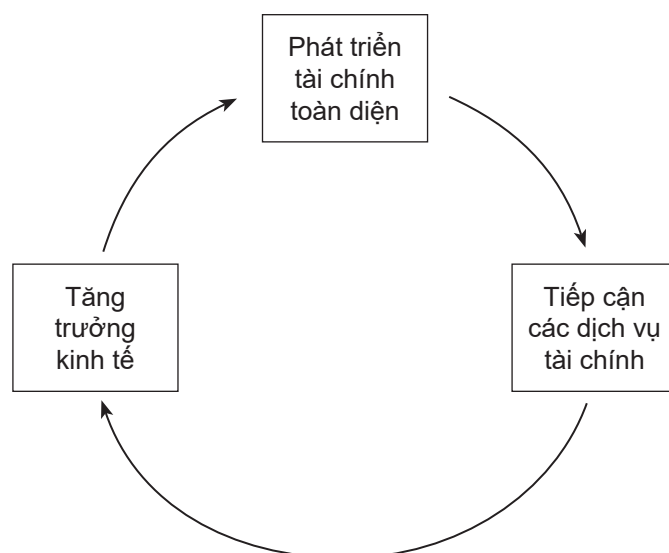
Johnson và Nino-Lazarawa (2009) đã chỉ ra rằng tài chính toàn diện góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua huy động tiết kiệm và đầu tư vào lĩnh vực sản xuất. Việc huy động tiết kiệm tạo điều kiện cho các đối tượng bị loại trừ trong hệ thống tài chính chính thức có thể tiếp cận tiết kiệm, tín dụng và các dịch vụ giảm nghèo để đầu tư vào lĩnh vực sản xuất và cải thiện phúc lợi. Theo Levine (2005), cơ sở hạ tầng của hệ thống tài chính toàn diện góp phần hạn chế thông tin tài chính bất đối xứng, giảm chi phí giao dịch ký kết hợp đồng. Các chính sách tài chính toàn diện hiệu quả tác động lên các ngành kinh tế, góp phần giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế nhanh. Mỗi tương quan giữa tài chính

toàn diện và tăng trưởng kinh tế này một lần nữa được khẳng định thông qua mô hình nghiên cứu của AT & SG (2010).

Thứ hai, tài chính toàn diện giúp người nghèo được tiếp cận các dịch vụ tài chính phù hợp với giá cả phải chăng

Một vấn đề quan trọng đối với người nghèo là thu nhập của họ không chỉ thấp mà còn không ổn định. Họ cần có khả năng tự quản lý thu nhập thấp và bấp bênh của mình để đảm bảo dòng tiền mặt thường xuyên và tích lũy tiền để trang trải các chi phí có thể phát sinh như tiền học cho con, hiếu hỉ; và các tình huống khẩn cấp như bệnh tật hoặc mất việc bất ngờ, tuy nhiên khả năng quản lý của họ còn thấp. Khi các nhu cầu tài chính xuất hiện, người nghèo phải tìm đến các dịch vụ tài

Hình 2. Mỗi tương quan giữa tài chính toàn diện và phát triển kinh tế



Nguồn: Tài chính toàn diện đổi mới; Báo cáo của Nhóm chuyên gia về AT & SG, G.20, năm 2010

chính phi chính thức nếu họ không thể tiếp cận các dịch vụ chính thức và bán chính thức. Mặc dù các dịch vụ phi chính thức dễ tiếp cận hơn song nhiều trường hợp chưa đáng tin cậy, kém an toàn và phải trả chi phí cao hơn so với các dịch vụ bán chính thức và chính thức. Điều này có thể gia tăng gánh nặng chi phí với người nghèo. Báo cáo Tài chính toàn diện G20 (2015) cho thấy hầu hết tại các nước đang phát triển, chỉ có từ 20% đến 50% dân số được tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức, người nghèo và cận nghèo nằm ngoài khu vực này. Đảm bảo đối tượng nghèo và cận nghèo tiếp cận tốt hơn các dịch vụ tài chính chính thức sẽ góp phần cải thiện cuộc sống, tạo công ăn việc làm, từ đó thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

Tài chính toàn diện mang lại cơ hội tiếp cận hệ thống tài chính chính thức với mức chi phí hợp lý cho tất cả các thành phần của nền kinh tế, đặc biệt là nhóm dân cư “yếu thế” và đang sống “ngoài rìa” nền tài chính, từ đó ảnh hưởng tích cực đến vấn đề công bằng tài chính và phát triển các hoạt động kinh tế. Ở khu vực thành thị, viên chức lương thấp hoặc cá nhân tự doanh như bán hàng rong cũng như những người nông dân và những đối tượng khác mưu sinh bằng những công việc với thu nhập eo hẹp như chế biến thực phẩm, buôn bán nhỏ, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em trong độ tuổi quy định sẽ được hưởng lợi từ các hoạt động tài chính

như trên. Do đó, Ogunleye (2009) đã khẳng định, tài chính toàn diện đem lại ổn định tài chính, thúc đẩy tăng trưởng toàn diện.

Thứ ba, tài chính toàn diện góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và tăng phúc lợi cho người nghèo

Tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính như tiết kiệm, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền kiều hối và bảo hiểm sẽ giúp người nghèo tăng khả năng tích lũy tài sản, chống chịu trước những cú sốc kinh tế, đồng thời tăng khả năng tạo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập thông qua các khoản tín dụng tiếp cận được. Theo các nghiên cứu chuyên sâu về dân tộc học của Collins và các cộng sự (2009) được thực hiện bằng cách theo dõi «nhật ký tài chính» của tầng lớp dân nghèo ở Bangladesh, Ấn Độ và Nam Phi, tiếp cận các dịch vụ tài chính phù hợp và giá cả phải chăng giúp người nghèo giảm rủi ro ảnh hưởng từ các biến động kinh tế, cải thiện phúc lợi và trong nhiều trường hợp còn tăng thu nhập. Nghiên cứu Robinson (2001) cũng chỉ ra rằng, ngoài lợi ích về mặt tiết kiệm thu nhập an toàn và cơ hội vay vốn lớn hơn, tài chính toàn diện cũng mang lại nhiều kết quả tích cực như hạn chế lao động trẻ em và tăng năng suất nông nghiệp.

Trong một nghiên cứu phân tích về tầng lớp thu nhập thấp ở Bangladesh, Ấn Độ và Nam Phi, Collins (2009) đã tìm ra mối quan hệ nhân quả giữa

khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính phù hợp, giá cả phải chăng và sự cải thiện phúc lợi và thu nhập cho người nghèo. Demircuc-kunt và cộng sự (2008) cũng nhận thấy rằng tiếp cận tài chính không chỉ thúc đẩy tăng trưởng mà còn thúc đẩy giảm nghèo cũng như giảm bất bình đẳng thu nhập và cải thiện phúc lợi. Xét trên bối cảnh rộng hơn, tài chính toàn diện đóng góp vào tăng trưởng kinh tế thông qua tạo giá trị cho các doanh nghiệp nhỏ, đem lại tác động lớn cho việc cải thiện các chỉ số phát triển con người- như y tế, dinh dưỡng, giáo dục- và đẩy lùi bất bình đẳng, nghèo đói (CIMP, 2011; Obstfield, 1994 và Ghali, 1999).

2. Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện tại các quốc gia đang phát triển

2.1. Kinh nghiệm từ Ấn Độ

Tại Ấn Độ, tài chính toàn diện được triển khai lần đầu tiên vào năm 2005 từ một dự án thí điểm tại UT of Pondicherry của C.Chakraborty, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương (NHTW) Ấn Độ. Làng Mangalam trở thành ngôi làng đầu tiên ở Ấn Độ, nơi tất cả các hộ gia đình được cung cấp các tiện ích ngân hàng. Các tiêu chuẩn được nói lỏng cho những người dự định mở tài khoản với khoản tiền gửi hàng năm ít hơn Rs. 50,000. Thẻ tín dụng chung (GCCs) đã được phát hành cho người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn với mục đích giúp

họ tiếp cận tín dụng dễ dàng. Tháng 1/2006, NHTW Ấn Độ đã cho phép các ngân hàng thương mại (NHTM) sử dụng các dịch vụ của các tổ chức phi chính phủ (NGO/SHGs), các tổ chức tài chính vi mô, và các tổ chức xã hội dân sự khác như là tổ chức làm trung gian cung cấp dịch vụ tài chính và ngân hàng. Những tổ chức trung gian này có thể được sử dụng hoạt động như tổ chức điều hành kinh doanh của các NHTM. NHTW Ấn Độ yêu cầu các NHTM ở các vùng khác nhau bắt đầu một chiến dịch bao gồm 100% tài chính toàn diện trên cơ sở thí điểm. Theo kết quả của chiến dịch tiểu bang hoặc bang U.T như Pondicherry, Himachal Pradesh và Kerala đã công bố 100% tài chính toàn diện trong tất cả các khu vực. Dự kiến của NHTW Ấn Độ năm 2020 là mở gần 600 triệu tài khoản khách hàng mới và phục vụ họ thông qua nhiều kênh bằng cách tận dụng công nghệ thông tin. Tạo nên thành công trong sự phát triển tài chính toàn diện tại Ấn Độ là chính sách và quyết định đúng đắn của Chính phủ và các tổ chức tài chính, đặc biệt là NHTW Ấn Độ. Để có được kết quả trên, Chính phủ và các tổ chức tài chính đã có những kế hoạch, chiến lược hành động cụ thể, một số kinh nghiệm nổi bật có thể kể đến sau:

Về phía Chính phủ, Chính phủ các tiểu bang đóng vai trò chủ động trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển tài chính toàn diện. Cụ

thể, chính quyền cấp hồ sơ nhận dạng cá nhân để có thể chính thức mở tài khoản; liên kết các quận huyện và đơn vị chức năng trong toàn bộ quy trình, đáp ứng chi phí thẻ và các thiết bị thí điểm khác; cam kết đào tạo các kỹ năng tài chính cho người dân. Đây là cách mà chính quyền Tiểu bang và các quận huyện tham gia vào quá trình phát triển tài chính toàn diện.

Năm 2007-2008, Ấn Độ thành lập hai quỹ phục vụ phát triển tài chính toàn diện: quỹ thứ nhất gọi là Quỹ tài chính toàn diện nhằm hỗ trợ phát triển và thúc đẩy tài chính toàn diện, quỹ còn lại là Quỹ Công nghệ Tài chính Toàn diện để đáp ứng chi phí ứng dụng công nghệ có kinh phí lên tới 125 triệu USD. Việc thành lập các trung tâm năng lực tài chính và tư vấn tín dụng trên cơ sở thí điểm, phát động chiến dịch năng lực tài chính quốc gia, tăng cường kết nối với các nguồn không chính thức với các biện pháp bảo vệ phù hợp thông qua luật pháp phù hợp, phát triển tiêu chuẩn toàn ngành về các giải pháp công nghệ thông tin, tạo điều kiện cho các sản phẩm chuyên tiền chi phí thấp là những sáng kiến được tiến hành nhằm tăng cường tài chính toàn diện.

Về phía các tổ chức tài chính, một trong những cách tiếp cận dịch vụ ngân hàng chính thức đã được cung cấp thành công kể từ đầu thập niên 90 thông qua liên kết các Nhóm Tự trợ (SHG) với ngân hàng. SHG thông thường

là nhóm phụ nữ kết hợp với nhau, tập hợp các khoản tiết kiệm và cho các thành viên vay. Thông thường có một tổ chức phi chính phủ thúc đẩy và hỗ trợ các nhóm này. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thông tin cho các nhóm, liên kết với ngân hàng cũng như thúc đẩy các quy phạm thực hành tốt. SHG cho vay với bảo lãnh của các thành viên trong nhóm.

Giai đoạn 1969-1991 có sự gia tăng lớn trong việc tiếp cận chi nhánh ngân hàng ở Ấn Độ khi số lượng trung bình người dân tham gia vào một chi nhánh ngân hàng rơi vào khoảng từ 64.000 đến 13.711 (Usha Thorat, 2007).

Giai đoạn 2004- 2005, NHTW Ấn Độ đã thực hiện một số biện pháp với mục tiêu thu hút dân số không tham gia hoạt động tài chính vào hệ thống tài chính đã cơ cấu. Cụ thể, tháng 11/2005, các ngân hàng được khuyến cáo lập tài khoản ngân hàng “no-frill” cơ bản với số dư tối thiểu thấp hoặc bằng 0 cũng như phí mở rộng tiếp cận các tài khoản này đến phần lớn dân số. NHTW Ấn Độ cũng yêu cầu các ngân hàng phải cung cấp tất cả các tài liệu hướng dẫn sử dụng cho các khách hàng cá nhân bằng ngôn ngữ của từng khu vực ở Ấn Độ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các khách hàng khi đến giao dịch với ngân hàng.

Nhằm đảm bảo rằng những người thuộc nhóm thu nhập thấp, cả ở khu vực thành thị

và nông thôn đều không gặp trở ngại trong việc mở tài khoản ngân hàng, quy trình tìm hiểu khách hàng (KYC) để mở tài khoản ngân hàng đã được đơn giản hóa cho những người có số dư tài khoản không quá Rs 50.000- (khoảng 600 GBP- Đồng Bảng Anh) và tín dụng trong tài khoản không quá Rs.100000 (khoảng 1.200 GBP) trong một năm. Quy trình đơn giản hóa cho phép khách hàng cung cấp thông tin đầy đủ khi tuân theo quy trình KYC. Các ngân hàng cần phải xem xét đưa vào sử dụng cơ sở Thẻ tín dụng dùng cho mục đích thanh toán thông thường (GCC) lên đến Rs 25.000 tại các chi nhánh nông thôn và bán đô thị. Cơ sở tín dụng có tính chất quay vòng tín dụng cho phép chủ sở hữu thu hồi đến hạn mức theo phê duyệt. Dựa trên đánh giá dòng tiền hộ gia đình, các hạn mức được quy định mà không yêu cầu tài sản bảo đảm. Lãi suất cho cơ sở thẻ tín dụng bị bãi bỏ hoàn toàn. Cơ chế đơn giản để quyết toán khoản nợ quá hạn lên đến Rs 25.000 đã được đề xuất để thông qua. Các ngân hàng cũng được khuyến cáo cụ thể rằng những người vay với khoản vay quyết toán theo hình thức quyết toán một lần sẽ được tiếp tục tiếp cận hệ thống tài chính chính thức cho khoản tín dụng mới. Vào tháng 1/2006, các ngân hàng đã được phép sử dụng các dịch vụ của các tổ chức phi chính phủ (NGOs/SHGs), các tổ chức tài chính vi mô và các tổ chức xã hội dân sự khác

với vai trò trung gian trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính và ngân hàng thông qua việc sử dụng các mô hình xúc tiến kinh doanh và thư tín giao dịch (BC). Mô hình BC cho phép ngân hàng thực hiện các giao dịch “tiền ra- tiền vào” tại địa điểm BC và cho phép nghiệp vụ ngân hàng không chi nhánh.

Các biện pháp khác bao gồm thiết lập các mô hình thí điểm về tư vấn tín dụng và giáo dục tài chính. Trang web đa ngôn ngữ bằng 13 thứ tiếng ở Ấn Độ về tất cả các vấn đề liên quan đến ngân hàng và người dân mà NHTW Ấn Độ đưa vào sử dụng vào ngày 18/6/2007.

Tất cả những biện pháp này đã giúp Ấn Độ thành công trong việc phát triển tài chính toàn diện.

2.2. Kinh nghiệm từ Brazil

Đất nước Brazil trải rộng trên 8,5 triệu km² với 5.564 đô thị và 190 triệu dân (2008), trong đó có gần 20 triệu người sống ở các tiểu bang có mật độ dân số dưới 6,4 người/km² (2007), chẳng hạn vùng Amazon (World Bank, 2009). Thiết lập chi nhánh ngân hàng truyền thống ở những khu vực này là một điều xa xỉ và đôi khi rất khó tiếp cận- một số thị trấn chỉ có thể đến bằng thuyền hoặc máy bay. Tuy nhiên, kể từ năm 2002, tất cả các đô thị của quốc gia này đều được sử dụng dịch vụ tài chính. Brazil được coi là một trong những quốc gia đi đầu trong đổi mới tài chính toàn diện nhờ áp

dụng thành công mô hình đại lý ngân hàng.

Hệ thống ngân hàng đại lý của Brazil giúp khách hàng tiếp cận một số dịch vụ ngân hàng, bao gồm mở tài khoản ngân hàng, nhận thẻ tín dụng và mua cổ phần của các quỹ tương hỗ thông qua các đại lý nhận và chuyển tiếp hồ sơ. Khách hàng có thể nộp hồ sơ vay vốn thông qua đại lý, yêu cầu đại lý nhận và chuyển khoản thanh toán. Những khoản thanh toán này có thể là trả nợ vay, nhận trợ cấp của Chính phủ, hóa đơn dịch vụ và thuế.

Mô hình đại lý ngân hàng của Brazil nở rộ nhờ những đổi mới về công nghệ và thể chế dưới sự giám sát của NHTW Brazil (CBB). Mô hình này đã được áp dụng nhằm gỡ bỏ những rào cản địa lý khiến cho nhiều thành phố không có chi nhánh ngân hàng. Hiện tại, các cửa hàng bán lẻ, đại lý xổ số và bưu điện đã liên kết với nhiều tổ chức tài chính chính thức để làm đại lý và sử dụng các thiết bị hoặc điện thoại di động hoạt động tức thời, để họ thực hiện giao dịch thay cho các tổ chức mà mình liên kết. CBB khuyến khích phát triển mô hình này bằng cách cho phép tất cả các tổ chức tài chính thuộc sự quản lý và giám sát của CBB thuê đại lý tại bất kỳ nơi nào trong nước, đồng thời quy định rõ ràng về các dịch vụ mà đại lý có thể cung cấp, đưa ra các hướng dẫn cần thiết về hợp đồng giữa tổ chức tài chính và đại lý, và yêu cầu báo cáo cho CBB. Các đại lý được

CBB giám sát gián tiếp thông qua các tổ chức tài chính chịu trách nhiệm về hoạt động của đại lý. Ngoài ra, CBB có thể thanh tra các đại lý nếu thấy cần thiết. Để thuê đại lý mới, tổ chức tài chính chỉ cần đăng ký đại lý trên hệ thống trực tuyến của CBB và cập nhật hồ sơ.

Sau đây là một số chính sách quan trọng của CBB nhằm phát triển mô hình đại lý: (1979) Các tổ chức tài chính ký kết hợp đồng với các đại lý đáp ứng các yêu cầu tối thiểu theo quy định. (1995) Đại lý không được phép thu thêm phí. (1999) Tất cả các tổ chức do CBB quản lý đều phải chịu trách nhiệm cho hoạt động của các đại lý; đại lý phải đăng thông báo tuyên bố rằng mình hoạt động thay mặt cho tổ chức theo quy định.

(2003) CBB có toàn quyền truy cập vào các tài liệu, thông tin hoặc dữ liệu liên quan đến các giao dịch do đại lý thực hiện. Tất cả các tổ chức được CBB quản lý và giám sát đều được phép thuê đại lý.

(2008) Các tổ chức không phải xin giấy phép từ CBB cho mỗi hợp đồng, mà chỉ cần đăng ký đại lý trên hệ thống của mình. Đại lý được phép chuyển tiền quốc tế (tùy thuộc vào các thủ tục cụ thể) với hạn mức tối đa là 3.000 USD cho mỗi giao dịch.

CBB không can thiệp vào mô hình kinh doanh trên những khía cạnh như công nghệ, thù lao hoặc dịch vụ độc quyền. Thành công của Brazil với

mô hình đại lý nhằm mở rộng vùng phủ sóng của các dịch vụ tài chính là thành quả sau nhiều năm tích lũy kinh nghiệm và phát triển, từ sự eo hẹp về khả năng tiếp cận vốn đến các điều kiện cấp vốn thông thoáng hơn, mà không làm lỏng lẻo khuôn khổ giám sát của cơ quan quản lý. Tuy nhiên, thành tựu quan trọng này sẽ không trở thành hiện thực nếu thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan như cơ quan quản lý hệ thống tài chính, các tổ chức tư nhân và các cơ quan chính phủ khác, họ đã chung tay thúc đẩy tài chính toàn diện với mục đích chung nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân.

2.3. Kinh nghiệm từ Malaysia

Trong số các quốc gia có thu nhập trung bình, Malaysia là quốc gia đạt trình độ tài chính toàn diện vào hạng cao nhất trên thế giới. Hệ thống tài chính của Malaysia phát triển nhanh chóng và không ngừng nghỉ trong suốt hai thập kỷ qua, mang đến cho nền kinh tế hàng loạt sản phẩm tài chính truyền thống và đặc trưng Hồi giáo cho các hộ gia đình với mức phí phải chăng. Với hơn 92% dân số được tiếp cận các dịch vụ tài chính, Malaysia đang tiệm cận với nền tài chính toàn diện toàn cầu trong tương lai gần.

Về cơ bản, thành công của tài chính toàn diện Malaysia chính là đường lối đặc thù trong phát triển ngành tài chính bao gồm tăng cường các ngân hàng và Tổ chức tài

chính phát triển (DFI), mở rộng thị trường tài chính (đặc biệt là người Hồi giáo), phát triển các công cụ tài chính mới và các kênh phân phối để tiếp cận với người nghèo, điều chỉnh các quy định và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng tài chính, đặc biệt là hệ thống thanh toán quốc gia.

Tài chính toàn diện đã trở thành ưu tiên quốc gia hàng đầu của Malaysia trong suốt một thời gian dài, thậm chí trước cả khi tài chính toàn diện trở thành mục tiêu toàn cầu của cả thế giới vào thời điểm cuối thập kỷ qua. Kinh nghiệm của Malaysia cho thấy không thể đốt cháy giai đoạn để mở rộng tài chính toàn diện. Tiến bộ trong tài chính toàn diện của Malaysia là thành quả của nỗ lực từ phía nhà nước cũng như ngành tài chính trong 20 năm qua. Sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998, các nhà chức trách đã thực hiện những biện pháp để tăng cường hệ thống ngân hàng trong nước bằng cách khuyến khích sáp nhập các tổ chức nhỏ. Việc sáp nhập giúp hình thành các thể chế lớn hơn, vững vàng hơn và hiệu quả hơn để có thể cạnh tranh với các nước láng giềng ASEAN. Ngoài ra, Chính phủ đã đưa ra các biện pháp nhằm củng cố bảng cân đối tài khoản của các ngân hàng, đồng thời ban hành và thực thi các tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Theo sau tiến trình củng cố hệ thống ngân hàng là nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch tổng thể Ngành Tài chính 10 năm

(FSMP) được đề xướng năm 2000, không chỉ giúp «bắt bệnh» các vấn đề gây trở ngại cho tài chính toàn diện và phát triển ngành tài chính tổng thể, mà còn đặt ra một bộ chính sách hành động để giải quyết. Trên cơ sở thành công của FSMP, chiến lược 10 năm lần thứ hai, Kế hoạch Tài chính 2011-2020 đã được thông qua vào năm 2011 và được thực hiện dưới một khuôn khổ giám sát và đánh giá chặt chẽ để theo dõi tiến trình tài chính toàn diện, chất lượng và việc sử dụng các dịch vụ tài chính và sự hài lòng của khách hàng.

Nằm trong khuôn khổ thực hiện Kế hoạch tổng thể ngành Tài chính (2001-2010) và Kế hoạch Tài chính (2011-2020), một loạt chủ trương đã được triển khai trong những năm qua để đẩy mạnh tài chính toàn diện. Nhiệm vụ của NHTW Malaysia đã được điều chỉnh, qua đó cho Ngân hàng quyền pháp lý để chủ động phát triển tài chính toàn diện. Về vấn đề này, Malaysia đã đi tiên phong trong các NHTW trên thế giới trong việc công nhận và chính thức hóa vai trò quan trọng của NHTW trong phát triển tài chính toàn diện. Các cải cách lớn khác bao gồm thành lập văn phòng tín dụng, cải tổ DFI, yêu cầu các ngân hàng cung cấp dịch vụ tài chính cho người nghèo với mức giá phải chăng và giới thiệu mô hình ngân hàng đại lý để các tổ chức tài chính có thể tiếp cận khách hàng mới ở vùng sâu vùng xa một cách an toàn và tiết kiệm chi phí.

Không chỉ thế, Malaysia đã đầu tư đáng kể vào hiện đại hóa cơ sở hạ tầng hệ thống thanh toán quốc gia, đẩy nhanh áp dụng các phương tiện thanh toán điện tử trên toàn quốc.

Ngoài ra, các cơ chế mạnh về mặt thể chế cũng đã được áp dụng để thúc đẩy giáo dục và hiểu biết về tài chính, thành lập thanh tra tài chính và cơ quan bảo hiểm tiền gửi nhằm bảo vệ khách hàng gửi tiền quy mô nhỏ trong trường hợp ngân hàng gặp khó khăn.

Tất cả những chủ trương trên đã góp phần tạo nên thành công của đất nước này trong phát triển tài chính toàn diện.

3. Bài học phát triển tài chính toàn diện đối với Việt Nam

Chính phủ các quốc gia, các tổ chức tài chính quốc tế, các nhà nghiên cứu đều ghi nhận: việc tiếp cận sản phẩm, dịch vụ tài chính chính thức đóng vai trò quan trọng đối với mọi đối tượng trong nền kinh tế xã hội, nó được xem là một trong những công cụ sống còn để phát triển nền kinh tế nói chung và góp phần xóa đói giảm nghèo nói riêng. Vì vậy, phát triển tài chính toàn diện là mục tiêu của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện tại Ấn Độ, Brazil và Malaysia, chúng tôi rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam nhằm thúc đẩy sự phát triển của tài chính toàn diện. Cụ thể:

Thứ nhất, phải coi phát triển tài chính toàn diện là một

chiến lược quốc gia, tập trung các nguồn lực và nỗ lực để hướng vào đúng đối tượng và triển khai thực hiện các biện pháp phù hợp một cách hiệu quả. Phải hình thành một khung khổ pháp luật đảm bảo sự cam kết theo đuổi và thực hiện chiến lược tài chính toàn diện ở Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng cơ chế điều phối và phối hợp huy động tổng thể nguồn lực triển khai tài chính toàn diện hiệu quả, đảm bảo sự tham gia của tất cả các bên liên quan, đặc biệt là khu vực tư nhân. Xây dựng một cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính toàn diện để phục vụ cho việc hoạch định chính sách cũng như đánh giá việc triển khai thực hiện.

Thứ hai, tăng cường giáo dục tài chính đối với người dân.

Kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới đã chỉ ra rằng việc thiếu kiến thức và hiểu biết về các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính khiến người dân thiếu sự tự tin, ngại tiếp cận và thái độ không tin tưởng đối với các sản phẩm, dịch vụ trên thị trường. Đây chính là rào cản lớn trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính trên thị trường chính thức, thúc đẩy sự xuất hiện của các sản phẩm, dịch vụ tài chính phi chính thức, dẫn đến cản trở sự phát triển tài chính toàn diện trong mỗi quốc gia. Do đó, cần có cách thức tăng cường hiểu biết về tài chính thông qua giáo dục, tăng cường đào tạo kỹ năng và năng lực tài chính cho người dân để họ có thể tiếp cận và sử dụng có trách nhiệm các dịch vụ tài

chính, quản lý tốt hơn tình hình tài chính. Chính phủ cần triển khai các chương trình hành động về giáo dục tài chính tiếp cận các đối tượng khác nhau như: trường học, chiến dịch nâng cao hiểu biết tài chính cho người dân. Cụ thể, Chính phủ có thể giao cho các kênh truyền thông quốc gia như Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện tuyên truyền, giới thiệu tới người dân về các sản phẩm cũng như các chương trình hỗ trợ để người dân có thể tiếp cận được với tài chính toàn diện; giao cho Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển thực hiện các khoá đào tạo, các kênh đào tạo tới các nhóm chủ lực như trường thôn, trưởng nhóm, hội phụ nữ, hội nông dân,... để từ đó nhân rộng kiến thức về tài chính toàn diện với người dân. Không chỉ đào tạo về ý nghĩa, lợi ích về cách tiếp cận sản phẩm tài chính chính thức, người nông dân cũng cần được đào tạo về cách chi tiêu, cách tiết kiệm, cách quản lý tiền để từ đó tăng khả năng

tiết kiệm của họ.

Thứ ba, kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy rằng một trong những chính sách làm nên sự thành công trong tài chính toàn diện đó là phát triển dịch vụ ngân hàng đại lý. Nhờ sự hữu ích và tiện dụng của ngân hàng đại lý (quy trình mở tài khoản đơn giản, thực hiện một số dịch vụ đơn giản như chuyển tiền, thanh toán hóa đơn, dịch vụ tiện ích giúp khách hàng giao dịch kịp thời, thuận tiện và tiết kiệm chi phí vì khách hàng không phải di chuyển quá xa nơi cư trú) sẽ làm tăng số lượng người tiếp cận và sử dụng dịch vụ lên nhanh chóng. Mô hình này nếu được áp dụng sẽ gỡ bỏ những rào cản địa lý trong việc nhiều xã, huyện không có chi nhánh ngân hàng. Các cửa hàng bán lẻ, đại lý xổ số và bưu điện được liên kết với nhiều tổ chức tài chính hợp lệ để làm đại lý và sử dụng các thiết bị hoặc điện thoại di động hoạt động tức thời, để họ thực hiện giao dịch thay cho các tổ chức mà mình liên kết.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có thể khuyến khích phát triển mô hình này bằng cách cho phép tất cả các tổ chức tài chính thuộc sự quản lý và giám sát của NHNN thuê đại lý tại bất kỳ nơi nào trong nước, đồng thời quy định rõ ràng về các dịch vụ mà đại lý có thể cung cấp, đưa ra các hướng dẫn cần thiết về hợp đồng giữa tổ chức tài chính và đại lý, và yêu cầu báo cáo cho NHNN. Các đại lý được NHNN giám sát gián tiếp thông qua các tổ chức tài chính chịu trách nhiệm về hoạt động của đại lý như Brazil đang thực hiện. Cuối cùng, các ngân hàng cũng cần thiết kế các sản phẩm phù hợp hơn với nhu cầu của các nhóm khác nhau, đặc biệt các sản phẩm tiết kiệm và thanh toán bởi thực tế quy mô tiết kiệm của người dân tại khu vực nông thôn rất nhỏ và mức độ tổn thương của các gia đình thường cao do sản xuất kinh doanh của họ phụ thuộc nhiều vào thời tiết. Dường như các sản phẩm tiết

xem tiếp trang 75

Tài liệu tham khảo

1. Abd Rahman, Zarina (2012), *Financial Inclusion in Malaysia: Tracking Progress Using Index*, IFC Bulletin No. 38, Bank for International Settlements, Basle
2. Alexandre Tombini (2012), *Financial Inclusion in Brazil*, G20 Finance Ministers and Central bank Governors' Meeting, Washington DC, 2012
3. Barlon, Colin, and Francis Loh Kok Wah (2003), *Malaysian Economics and Politics in the New Century*.
4. Beck, T., DemirgüçKunt, A & Levine, R. (2007), *Finance, inequality and the poor*, *Journal of Economic Growth*, pp 27–49.
5. Beck, Thorsten, Asli Demirguc-Kunt, and Patrick Honohan (2008) *Finance for All? Policies and Pitfalls in Expanding Access*, Washington, DC: World Bank.
6. Collins, D., Murdoch, J., Rutherford, S. & Ruthven, O. (2009) *Portfolios of the Poor: How the World's Poor Live on \$2 a Day*. Princeton University Press.
7. DemirgüçKunt, A., Beck, T. & Honohan, P. (2008), *Finance for All? : Policies and Pitfalls in Expanding Access*, Washington D.C.: The World Bank.
8. DemirgüçKunt, A., Beck, T. & Honohan, P. (2009), *Access to Financial Services: Measurement, Impact, and Policies*, *The World Bank Research Observer* (2009), vol. 24, no. 1, February 2009.
9. G20 Financial Inclusion Experts Group—ATISG Report (2010), *Innovative Financial Inclusion*. Ghali KH (1999), *Financial development and economic growth: the Tunisian experience*, *Rev. Dev. Econ.*, 3: 310-322.

10. Green, C. J., C. H. Kirkpatrick & V. Murinde (2006), *Finance for Small Enterprise Growth and Poverty Reduction in Developing Countries*, J. Int. Dev. 18, pp.1017–1030.
11. Hastak và Gaikwad (2015), *Issues relating to financial inclusion and banking sectors in India*, The business & Management Review, volume 5 number 4, January 2015, pp 194-203
12. Johnson, S. and M NinoZarazua (2009), *Financial Access and Exclusion in Kenya and Uganda*, BPID #1. Retrieved from: <http://www.bath.ac.uk/cds/bpdwp/BPD1.pdf>
13. Kumar, N. (2013) “Financial inclusion and its determinants: evidence from India”, *Journal of Financial Economic Policy*, Vol. 5 Issue: 1, pp.4-19,
14. Levine, R. (2005), *Finance and Growth*, in Aghion P. & S. N. Durlauf *Handbook of Economic Growth. Volume 1A*. North Holland: Elsevier.
15. Leyshon, T., (1995), *Geographies of financial exclusion: financial abandonment in Britain and the United States*, *Transactions of the Institute of British Geographers New Series*, 20, pp.312–41
16. Olaniyi và Adeoye (2016), *Determinants of Financial Inclusion in Africa: A dynamic Panel Data Approach*, *University of Mauritius research journal*, Vol 22- 2016, pp 310- 336.
17. Obstfeld, Maurice (1994), *Risk-Taking, Global Diversification, and Growth*, *American Economic Review*, Vol. 84 No. 5, pp. 10–29.
18. Ramji, M. (2009), *Financial inclusion in Gulbarga: Finding usage in access*, *Institute for Financial Management and Research. Centre for Micro Finance, Working Paper Series No.26*.
19. Robinson, M. (2001) *The Microfinance Revolution*. Washington, DC: World Bank and Open Society Institute.
20. Shankar, S. (2013), *Financial inclusion in India: Do microfinance institutions address access barriers?*, *ACRN Journal of Entrepreneurship Perspectives*. Vol.2, Issue 1, p.60-74.
21. Tuesta, D., Sorensen, G., Haring, A. và Camara, N. (2015), *Financial inclusion and its determinants: the case of Argentina*. BBVA Research, Madrid.
22. Usha Thorat (2007), *Financial inclusion- the Indian experience*, the HMT-DFID, *Financial Inclusion Conference 2007*.
23. United National (2006), *Building Inclusive Financial Sectors for Development*, [Bluebook.undf.org](http://bluebook.undf.org), UN Publications Number: E.06.II.A.3, ISBN: 92-1-204251-1

Thông tin tác giả

Phạm Thị Hồng Vân, Tiến sĩ

Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Email: vannpth@hvn.edu.vn

Trần Thị Thu Hương, Thạc sĩ

Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Email: huongtran@hvn.edu.vn

Vũ Thị Thanh Hà, Thạc sĩ

Viện Đào tạo Quốc tế, Học viện Ngân hàng

Email: havt@hvn.edu.vn

Summary

International experience in developing financial inclusion and the lessons for Vietnam

Financial inclusion has played important roles in poverty reduction, economic development and stabilization. Therefore, the international development agencies as well as the governments of many countries, including Vietnam have paid attention on the financial inclusion. Recognizing the importance of this issue, this paper analyzes the roles of the financial inclusion and successful countries experience such as India, Brazil, and Malaysia. The results of the research show that in order to success in the financial inclusion development, a country needs to focus on the following issues. First, the financial inclusion development should be a national strategy. Second, the financial literacy needs to be enhanced. Third, commercial banks need to develop agency banking model. Finally, commercial banks have to design financial products that are suitable for group of people, especially, saving and payment services.

Key words: financial inclusion, financial inclusion development.

Van Thi Hong Pham, PhD.

Deputy-Dean of Banking Faculty, Banking Academy

Huong Thi Thu Tran, MEd.

Banking Faculty, Banking Academy

Ha Thi Thanh Vu, MEd.

Deputy Director of International School of Business, Banking Academy

and colleges and allows schools to be autonomous in developing enrollment plans. The number of candidates has decreased over the years, while increasing enrollment targets of universities and colleges has created pressure for universities and colleges to compete to improve quality, reputation, and job orientation in order to attract candidates. The research was conducted to develop a model that illustrates the factors that determines the choice of the BA's undergraduate program of students. The results of multiple linear regression analyzed from 186 questionnaire respondents of BA's 1st year and 2nd year students show that the groups of factors that have the significant impact in descending order are: Fixed Characteristics of the institute, Communication Efforts of the institute, Social influencers to the student's choice of the institute, Individual Characteristics of the student. Based on the obtained results, the research team proposes recommendations to improve the effectiveness of the enrollment process for universities, colleges in general and for BA institute in particular.

Keywords: Factors, bachelor program, enrollment, Banking Academy of Vietnam.

Mai Ngoc Tran, MEd.

Faculty of International Business, Banking Academy

Huong Thi Thu Nguyen

Student of K18KDQTA, Faculty of International Business, Banking Academy

Linh Thuy Do

Student of K18KDQTA, Faculty of International Business, Banking Academy

tiếp theo trang 36

cho nhiều trường hợp khác nhau. Việc sử dụng tốt sẽ dẫn đến các giao dịch nhanh hơn, minh bạch hơn. Giải pháp Blockchain cũng sẽ làm giảm chi phí và gánh nặng hành chính đối với ngân hàng và khách hàng. Ước tính rằng các công nghệ Blockchain có thể làm giảm chi phí cơ sở hạ tầng của ngân hàng khoảng 15-20 tỷ USD một năm vào năm 2022- như tuyên bố trong “FinTech 2.0 Paper” của Santander InnoVentures. Blockchain cũng đặt ra thách thức đòi hỏi tất cả các bên liên quan sẽ phải tham gia hợp tác vào sự phát triển trong lĩnh vực này, “sẽ cần phải có một tập thể chung” giữa các ngân hàng, nhà quản lý và các công ty công nghệ. Bên cạnh đó, thách thức về sự riêng tư, bảo mật, khả năng mở rộng... cũng là những vấn đề cần xem xét. Blockchain có thể là giải pháp công nghệ tiềm năng cho ngành tài chính ngân hàng, tuy nhiên nó còn cần phải tiếp tục được hoàn thiện, phát triển về công nghệ, giảm thiểu chi phí khi áp dụng và khắc phục các vấn đề khác đang tồn tại. ■

tiếp theo trang 44

dụng hồi quy với biến giả (đã đề cập ở Phần 1 của bài viết) để tìm kiếm bằng chứng thực nghiệm về tác động của một số nhân tố đến mức độ điều chỉnh số liệu nhằm tránh báo cáo lỗ và ổn định lợi nhuận. Bên cạnh đó, các bằng chứng thực nghiệm trong nghiên cứu này cũng cho thấy các NHTM có xu hướng điều chỉnh số

liệu nhằm báo cáo mức lợi nhuận ổn định. Do đó, các nghiên cứu tương lai có thể phát triển các mô hình nghiên cứu nhằm tìm kiếm bằng chứng bổ sung để có thể đưa ra kết luận về việc có NHTM có thực sự thao túng số liệu để ổn định lợi nhuận hay không, và các công cụ nào hay ước tính kế toán nào có thể bị lợi dụng để ổn định lợi nhuận. ■

tiếp theo trang 54

thích điểm tín dụng theo những đặc điểm của khách hàng, bởi phần lớn cơ chế giải thích của các kỹ thuật này rất phức tạp và vẫn còn nằm trong “hộp đen”.

Những kết quả được đưa ra trong bài nghiên cứu có thể là cơ sở để mở ra các nghiên cứu, đưa ra những phương pháp mới kết hợp các kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả các mô hình chấm điểm tín dụng. Ngoài việc xem xét kết quả của của các mô hình kết hợp thì việc giải thích cơ chế tác động của các nhân tố đầu vào với nhân tố mục tiêu phân loại đối với các mô hình cũng cần được quan tâm nghiên cứu. ■

tiếp theo trang 63

kiệm, vay vốn với quy mô nhỏ, thời gian đáo hạn nhanh phù hợp hơn với nhóm khách hàng này. Mặt khác, thủ tục, giấy tờ luôn là một rào cản lớn đối với người dân khi tiếp cận các dịch vụ tài chính tại nông thôn, điều này đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu. Việc cải thiện thủ tục hành chính sẽ tăng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của khu vực nông thôn. ■